

Số: 49/2026/QĐST-HNGĐ

Lai Châu, ngày 23 tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số: 92/2026/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Mai Công T**, sinh ngày 25/5/1987.

Địa chỉ: **Thôn H, xã N, tỉnh Thanh Hóa.**

- Bị đơn: Chị **Mào Thị N**, sinh ngày 03/6/1991.

Địa chỉ: **Bản M, xã M, tỉnh Lai Châu.**

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh **Mai Công T** và chị **Mào Thị N**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Mai Công T** và chị **Mào Thị N** đều thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn:

- Về nuôi con chung: Anh **Mai Công T** và chị **Mào Thị N** có 02 con chung. Con thứ nhất tên **Mai Thị Ngọc B**, sinh ngày 21/3/2013; Con thứ hai tên **Mai Ngọc L**,

sinh ngày 18/4/2019. Anh **Mai Công T** và chị **Mào Thị N** thống nhất, thỏa thuận: Sau khi ly hôn anh **Mai Công T** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **Mai Ngọc L** cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Còn chị **Mào Thị N** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **Mai Thị Ngọc B** cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh **Mai Công T** và chị **Mào Thị N** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh **T**, chị **N** thực hiện quyền này.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Mai Công T** và chị **Mào Thị N** tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Anh **Mai Công T** và chị **Mào Thị N** tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh **Mai Công T** và chị **Mào Thị N** mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh **Mai Công T** tự nguyện nộp toàn bộ án phí bao gồm cả phần án phí mà chị **Mào Thị N** phải nộp. Tổng cộng anh **Mai Công T** phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án Hôn nhân gia đình. Xác nhận anh **Mai Công T** đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án Ký hiệu: BLTU/26E, số 000006 ngày 17 tháng 8 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu. Nay trả lại cho anh **Mai Công T** 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 4 – Lai Châu;
- THADS tỉnh Lai Châu;
- Phòng THADS khu vực 4 - Lai Châu;
- UBND xã Mường Tè, tỉnh Lai Châu.
- Lưu hồ sơ./.

THẨM PHÁN

Đồng Văn Dũng

